TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2023/TLST - HNGĐ ngày 20/6/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐST - HNGĐ ngày 12/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Từ Thị Kim T, sinh năm 1997
Địa chỉ: Số D ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Anh Lê Quốc K, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Số D ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Từ Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Lê Quốc K cưới nhau năm 2018 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 12/01/2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh K có tính gia trưởng, bảo thủ; bất đồng trong cách chăm sóc con chung. Nay chị nhận thấy hôn nhân của chị và anh K không có hạnh phúc, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh K, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh K nên chị yêu cầu Tòa án giải

quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh K có một con chung là cháu Lê Khánh Bảo H, sinh ngày 14/02/2019, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Quốc K trình bày:

Anh và chị T tự nguyện kết hôn vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay qua yêu cầu xin ly hôn với chị T anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh K có một con chung là cháu Lê Khánh Bảo H, sinh ngày 14/02/2019, nếu chị T kiên quyết muốn ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bphát biểu quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Từ Thị Kim T; chị T được ly hôn với anh Lê Quốc K.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Khánh Bảo H, sinh ngày 14/02/2019 cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không xét đến.

+ Về nợ chung: chị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh K cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre ngày 12/01/2018 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị T đã về nhà mẹ ruột chị sống và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc theo chị T trình bày là do tính tình không hợp; anh K có tính gia trưởng, bảo thủ và trong cách nuôi dạy con cũng có nhiều bất đồng ý kiến. Anh K cũng thừa nhận vợ chồng anh chị cũng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cãi nhau, những chuyện phát sinh trong quan hệ vợ chồng chị T không nói với anh mà đăng lên mạng xã hội từ đó anh ít nói chuyện với chị T; Trong thời gian sống ly thân anh đã tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý. Tòa án nhân dân huyện Bcũng đã tổ chức các phiên hòa giải nhưng chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân với anh K nên chị cương quyết giữ yêu cầu xin ly hôn. Tại phiên Tòa sơ thẩm chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh K không đưa ra được lý do để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh K đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh K có 01 con chung tên Lê Khánh Bảo H, sinh ngày 14/2/2019. Hiện cháu H đang sống chung với chị T. Cả chị T và anh K đều có nguyện vọng nuôi con chung; anh K làm công việc giao hàng, chị T buôn bán cho người thân. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T và anh K Hội đồng xét xử xét thấy: cả chị T và anh K đều có công việc ổn định, có khả năng kinh tế để lo cho con đầy đủ về mặt vật chất. Tuy nhiên công việc của anh K là giao hàng ít có thời gian ở nhà và cháu Bảo H là bé gái do đó, để ổn định tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của con chung nên giao cháu Lê Khánh B H cho chị Từ Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T và anh K trình bày không có nên không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Btại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Từ Thị Kim T phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Từ Thị Kim T. Chị Từ Thị Kim T được ly hôn với anh Lê Quốc K. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2018 ngày 12/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã P (Nay là xã P), huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Từ Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Khánh Bảo H, sinh ngày14/02/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K trình bày không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Từ Thị Kim T phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006382 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T đã nộp xong.

Chị Từ Thị Kim T, anh Lê Quốc K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu